TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 872/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2017.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Bà Lê Vũ Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng *7* năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:157/2016/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Hương X; sinh năm 1972; địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Ha W (Hà Xuân L); sinh năm 1959; địa chỉ: SanJose Ca 95132, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/4/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Hương X trình bày:

Bà và ông Ha W (Hà Xuân L) tự nguyện đăng ký kết hôn số 930 quyển 05 ngày 14/4/2014 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông Ha W (Hà Xuân L) trở về nước và không quay trở lại. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà X vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Ông Ha W (Hà Xuân L) vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: trình tự, thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

* Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Hương X ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 01 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Ha W (Hà Xuân L) có quốc tịch Hoa Kỳ và đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phạm Hương X và ông Ha W (Hà Xuân L) có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung không hạnh phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng đã không chung sống do ông Ha W (Hà Xuân L) đã trở lại Hoa Kỳ và không liên lạc. Bà X xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Toà án đã có văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên toà số 1616/UTTPDS-TA ngày 02/6/2016 gửi cho ông Ha W (Hà Xuân L) thông báo cho ông biết về đơn khởi kiện của bà X, về thời gian mở phiên họp hoà giải và phiên toà.

Văn bản này, Toà án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ bằng đường ngoại giao theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, hai lần mở phiên họp hoà giải ngày 07/3/2017 và ngày 14/3/2017 ông Ha W (Hà Xuân L) không có mặt. Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 08 giờ ngày 04/4/2017 như Thông báo đã báo cho ông Ha W (Hà Xuân L) nhưng ông vắng mặt. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự ấn định thời hạn mở lại phiên tòa. Đồng thời, Toà án đã có văn bản số 252/TATP-TGĐVNCTN ngày 04/4/2017 hỏi Bộ Tư pháp về kết quả uỷ thác tư pháp nhưng đến nay Toà án không nhận được trả lời.

Hôm nay, Toà án tiếp tục mở phiên toà lần thứ 02. Thời gian và địa điểm mở phiên toà này đã được thông báo cho ông Ha W (Hà Xuân L) nhưng ông cũng

đã không đến tham dự. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, bà X và ông Ha W (Hà Xuân L) đã không thật sự chung sống từ năm 2015. Ông Ha W (Hà Xuân L) đã được nhận văn bản thông báo của Toà án tống đạt hợp lệ về việc bà X xác định tình cảm không còn, xin ly hôn nhưng ông không có văn bản phản hồi nghĩa là bản thân ông đã từ chối quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đồng thời là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa bà X và ông Ha W (Hà Xuân L) không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà X là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Toà án Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà X phải chịu án phí HNGĐST;

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 122, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2005;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 01, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Hương X.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hương X được ly hôn với ông Ha W (Hà Xuân L).

1.2 Về con chung: bà X xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Hương X chịu án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0006034 ngày 13/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí.

3. Bà Phạm Hương X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ha W (Hà Xuân L) được quyền kháng cáo trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp